TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH N** **----------** ***Số:91/2017/QĐST- HNGĐ***	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc *G, ngày 19 tháng 12 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 103/2017/TLST- HNGĐ, ngày 01 tháng 11 năm 2017 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1993; địa chỉ: thôn L, xã G, huyện G, tỉnh N.

Bị đơn: Anh Đỗ Thanh T, sinh năm 1987; trú tại: thôn P, xã G, huyện G, tỉnh N.

- Căn cứ vào các Điều 147, 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bẩy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1993; địa chỉ: thôn L, xã G, huyện G, tỉnh N.

Bị đơn: Anh Đỗ Thanh T, sinh năm 1987; trú tại: thôn P, xã G, huyện G, tỉnh N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. ***Về con chung***: Chị Lê Thị Thu H và anh Đỗ Thanh T xác định có với nhau một con chung là cháu Đỗ Quỳnh Phương A, sinh ngày 02/6/2011, hiện nay cháu Phương A đang ở cùng chị H. Tiếp tục giao cháu Phương A cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Phương A đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng với chị H. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

2.2. ***Về tài sản chung, công nợ chung:*** Các đương sự không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

2.3. ***Về án phí sơ thẩm ly hôn:*** Chị Lê Thị Thu H phải nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/04089, ngày 01/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Chị H được hoàn lại số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh N;
- *VKS huyện G;*
- *Chi cục THA dân sự huyện G;*
- *UBND xã G;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, VP.*

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA VIỄN
Thẩm phán
(đã ký)

Nguyễn Hữu Quốc